



DBD



PLX

2.102

- ✓ Danh mục đa dạng
- ✓ Chất lượng vượt trội
- ✓ Lợi nhuận bất phá

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

SMART

PORTFOLIO

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư
SmartDragon

Tháng 12/2023

MỤC LỤC

01

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ THÁNG 12/2023

Danh mục đầu tư đa dạng nhiều chủ đề khác nhau tương ứng với từng khẩu vị rủi ro cũng như kỳ vọng của từng nhà đầu tư khác nhau

02

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

SmartPortfolio là sản phẩm đầu tư thuộc nền tảng SmartDragon, nhằm cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi nhà đầu tư

03

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

SmartPortfolio sẽ kết hợp giữa hai phương pháp Top-down và Bottom-up để đưa ra những danh mục cổ phiếu khuyến nghị chất lượng

04

BAN PHỤ TRÁCH DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là những thành viên có chuyên môn sẽ chịu trách nhiệm đánh giá, đưa ra nhận định với từng cổ phiếu và cơ cấu danh mục phù hợp với các nhóm đối tượng đầu tư

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ

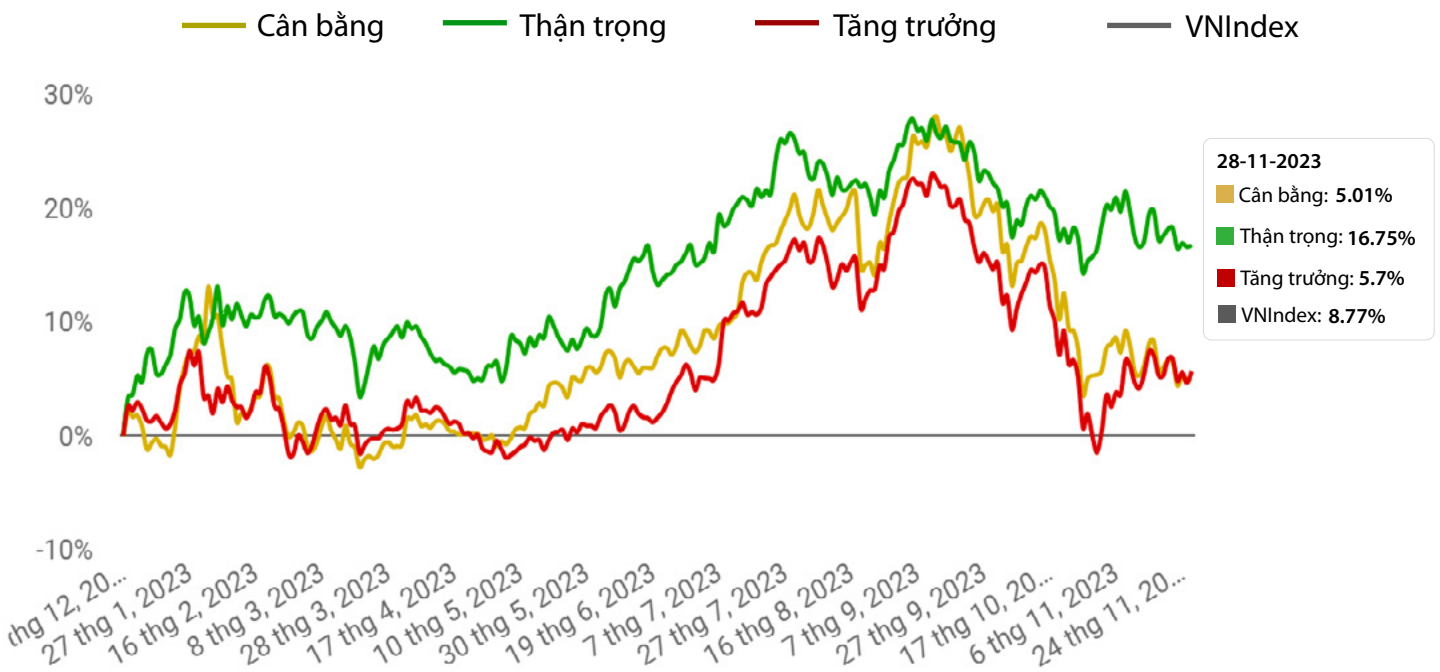
Thị trường chứng khoán trong nước tuần tiếp tục xu hướng ngược dòng chứng khoán thế giới khi điều chỉnh giảm sang tuần thứ 2 liên tiếp dù có tới 4/5 phiên tăng điểm. Thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì trên ngưỡng 20,000 tỷ đồng sang tuần thứ 3 liên tiếp. Ngược dòng thị trường là nhóm cổ phiếu MIDCAP khi vẫn duy trì đà tăng sang tuần thứ 4 liên tiếp. Nhịp hồi kể từ đầu tháng 11 của thị trường hiện đang gặp khó ở ngưỡng cản kỹ thuật MA200 và chỉ số VNINDEX đã thoái lui về ngưỡng 50% của nhịp tăng này trong phiên cuối tuần vừa qua.

Trong lần cập nhật danh mục này, chúng tôi cập nhật quan điểm và điều chỉnh cổ phiếu trong danh mục sau khi đánh giá lại các sự kiện kinh tế gần đây cũng như điểm nhấn đầu tư ở một số nhóm cổ phiếu kỳ vọng vượt trội hơn khi thị trường chung dần hồi phục trở lại. Cụ thể:

- Danh mục **Cân bằng**: chúng tôi thay thế **DBD** bằng **PLX**

Để giúp nhà đầu tư bám sát cơ hội đầu tư, chúng tôi có cập nhật vùng mua ở một số các cổ phiếu để tận dụng nhịp điều chỉnh, giải ngân khi cổ phiếu chạm đến những vùng giá hấp dẫn hơn cho kỳ vọng 3 – 6 tháng tới.

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



Khoảng thời gian: Từ đầu năm (YTD)

Ngày cập nhật: 28-11-2023

DANH MỤC THẬN TRỌNG

- Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

> 7%

Tỷ suất cổ tức

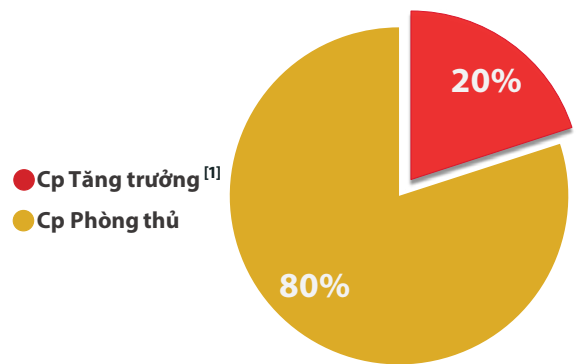
8-10%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



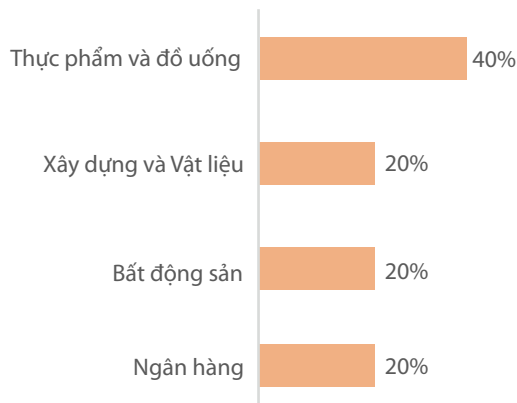
Danh mục cổ phiếu THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52.8	45.6	15.8%	43 - 45	20%	8.4	2.1
PC1	●	Xây dựng và Vật liệu	28.3	25.9	9.3%	22 - 24	20%	31.9	1.6
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	68.3	28.3%	66 - 67	20%	17.1	4.7
KBC	●	Bất động sản	40.0	31.4	27.6%	28.5 - 29.5	20%	16.1	1.3
VCB	●	Ngân hàng	98.6	86.0	14.7%	82 - 84	20%	14.2	3.0

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Thận trọng



*Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28-11-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

QNS UPCOM

Giá mục tiêu:	52,800
Giá hiện tại:	45,600
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.8%
Vùng mua:	43,000 - 45,000

SmartScore **67**

ĐIỂM	Định giá	65
	Chất lượng	69
	Động lượng	62

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	7.3%
+/- LNST (Q3/2023):	59.9%
EPS: 5,496	P/E: 8.4
ROE: 25.6%	P/B: 2.1

Q3/2023, doanh thu thuần (DTT) và lợi nhuận sau thuế (LNST) lần lượt là 860 tỷ đồng (-21,7% QoQ; +7,3% YoY) và 506 tỷ đồng (-28,9% QoQ; +59,9% YoY). Lũy kế 10T2023, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 8.800 tỷ đồng (+24% YoY) và 1.900 tỷ đồng (+72% YoY). LNST đạt 1.495 tỷ đồng (+74% YoY). Như vậy, trong 10 tháng đầu năm 2023, QNS đã hoàn thành kế hoạch doanh thu 105% và kế hoạch lợi nhuận 148%.

Mảng đường: Năm 2023, công ty đã chạy hết công suất mảng đường, do đó sản lượng đường bán trong tháng 10 và 11 sẽ thấp hơn so với 1H2023. Tuy nhiên, tháng 12 là bắt đầu kỳ sản xuất mới của QNS. Công ty dự định sẽ tăng sản lượng đường sản xuất trong tháng 12/2023 và bán ngay để tận dụng được lợi thế tăng giá đường. Dựa trên kỳ vọng giá đường sẽ giữ ở mức cao cho hết nửa cuối năm 2024, QNS cho rằng kết quả kinh doanh mảng đường trong 1H2024 vẫn sẽ tốt.

Mảng sữa: Vinasoy có mức tăng trưởng tốt hơn ngành do cuối tháng 8/2023 triển khai chiến dịch tái định vị thương hiệu, đẩy mạnh các hoạt động bán hàng và marketing. Biên lợi nhuận cải thiện nhờ tăng giá bán sữa. Cuối Q3/2023, QNS đang giữ thị phần là 89.1% trong ngành sữa thực vật, tăng so với thời điểm đầu năm 2023 và Q2/2022. Công ty kỳ vọng thị phần sẽ tiếp tục tăng nhờ tăng thêm thị phần ở thị trường miền Nam.

Chúng tôi cho rằng tình trạng thiếu sản lượng đường để bán là điểm yếu chính của QNS khiến kết quả kinh doanh của công ty tăng trưởng giảm theo quý. Dựa trên chia sẻ từ doanh nghiệp, chúng tôi cho rằng sản lượng đường được sản xuất mới kể từ tháng 12/2023 sẽ giúp QNS giải quyết vấn đề này. Chúng tôi cho rằng mảng đường của QNS vẫn còn dư địa tăng trưởng trong nửa đầu năm 2024 do kỳ vọng giá đường 1H2024 sẽ duy trì ở mức cao như hiện tại (~ 21.000 đồng/kg).

PC1 HOSE

Giá mục tiêu: 28,300

Giá hiện tại: 25,900

Lợi nhuận kỳ vọng: 9.3%

Vùng mua: 22,000 - 24,000

SmartScore

66



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023): -26.1%

+/- LNST (Q3/2023): -3.3%

EPS: 887 P/E: 31.9

ROE: 3.4% P/B: 1.6

LNST sau lợi ích CĐTS quý 4/2023 dự kiến tăng gần 50% YoY lên khoảng 280 tỷ đồng chủ yếu nhờ đóng góp từ KCN Nomura và mảng khai thác niken. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng PC1 sẽ ghi nhận doanh thu BĐS trị giá 170 tỷ đồng (từ doanh thu chuyển nhượng mặt bằng bán lẻ thương mại) trong quý 4/2023 so với 7 tỷ đồng trong quý 4/2022.

Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2023 sẽ giảm 25% YoY mặc dù lợi nhuận gộp tăng 13% YoY (nhờ đóng góp từ KCN Nomura và mảng niken bù đắp cho mức giảm 48% YoY/18% YoY trong lợi nhuận gộp từ mảng xây lắp điện và mảng sản xuất điện). Chúng tôi dự báo chi phí SG&A, chi phí tài chính và lợi ích CĐTS cao hơn so với cùng kỳ sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2023.

Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2024 sẽ tăng gần gấp đôi so với mức cơ sở thấp của năm 2023, nhờ dự báo doanh thu mảng xây lắp điện tăng gấp đôi, đóng góp lợi nhuận 107 tỷ đồng từ KCN của Western Pacific, nhà máy niken vận hành cả năm và không ghi nhận lỗ tỷ giá.

Theo quan điểm của chúng tôi, PC1 có định giá hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2024 là 12,5 lần, tương ứng PEG 5 năm là 0,2 (dựa trên dự báo tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) EPS giai đoạn 2023-2027 là 51%). Rủi ro: Lỗ tỷ giá cao hơn dự kiến trong giai đoạn 2023-2024. Yếu tố hỗ trợ: Lợi nhuận từ mảng khai thác niken và phát điện cao hơn dự kiến.

VNM HOSE

Giá mục tiêu: 87,600

Giá hiện tại: 68,300

Lợi nhuận kỳ vọng: 28.3%

Vùng mua: 66,000 - 67,000

SmartScore

63



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023): -2.8%

+/- LNST (Q3/2023): 8.4%

EPS: 4,027 P/E: 17.1

ROE: 24.4% P/B: 4.7

Doanh thu quý 3 năm 2023 đạt 15.637 tỷ đồng (+2,9% QoQ; -2,8% YoY). Doanh thu thấp hơn năm ngoái là do hiệu ứng cơ sở cao trong khi kênh nội địa trở thành động lực tăng trưởng theo cả quý và năm. Lợi nhuận ròng quý 3 năm 2023 tiếp tục tăng lên 2.493 tỷ đồng (+13,4% QoQ; +8,5% YoY) nhờ (1) biên lợi nhuận gộp được cải thiện từ chi phí đầu vào giảm; và (2) tối ưu hóa chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (BH & QLDN).

Dựa trên kết quả khả quan trong 9T2023, chúng tôi tính toán rằng doanh thu năm 2023 sẽ tăng trưởng dương, đạt 62.868 tỷ đồng (+5% YoY), sau khi tăng trưởng âm vào năm 2022. Tương tự doanh thu, chúng tôi tin rằng lợi nhuận sau thuế công ty mẹ (LNST CTM) năm 2023 sẽ có kết quả tốt hơn, tăng trưởng +7% YoY lên 9.081 tỷ đồng. EPS tương đương là 3.910 đồng (+8% YoY).

Chúng tôi tin rằng các động lực tăng trưởng của VNM trong nửa cuối năm 2023 (2H2023) sẽ tiếp tục hỗ trợ cho kết quả kinh doanh năm 2024. Do đó, chúng tôi dự đoán doanh thu và LNST CTM năm 2024 lần lượt là 65.641 tỷ đồng (+4% YoY) và 10.068 tỷ đồng (+11% YoY). EPS tương đương sẽ là 4.336 đồng (+11% YoY).

Chúng tôi kết hợp mô hình định giá FCFE (50%) và so sánh bội số (50%) với mức P/E 2024 áp dụng là 19,0 lần, đưa đến mức giá mục tiêu là 87.600 đồng. Đối với giai đoạn 2024, chúng tôi hạ P/E mục tiêu xuống 19,0 lần từ mức 21,0 lần của giai đoạn 2023 để phản ánh tâm lý yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cộng thêm cổ tức tiền mặt dự kiến 3.850 đồng, lợi nhuận kỳ vọng 12 tháng tới là 33% so với giá đóng cửa ngày 13/11/2023, tương đương với khuyến nghị MUA.

KBC HOSE

Giá mục tiêu:	40,000
Giá hiện tại:	31,350
Lợi nhuận kỳ vọng:	27.6%
Vùng mua:	28,500 - 29,500

SmartScore **68**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	21.6%
+/- LNST (Q3/2023):	-99.3%
EPS: 1,542	P/E: 16.1
ROE: 6.2%	P/B: 1.3

KBC đã công bố KQKD khiêm tốn và sát với dự báo với lợi nhuận HĐKD cốt lõi đạt 14 tỷ đồng trong Q3/2023, so với lỗ HĐKD cốt lõi 84 tỷ đồng trong Q3/2022. Chúng tôi cập nhật dự báo và quan điểm đối với KBC sau khi Công ty công bố KQKD. Nhìn chung, chúng tôi vẫn nhận thấy triển vọng tích cực đối với KBC nhờ triển vọng lợi nhuận tích cực và tiến độ phê duyệt dự án được đẩy nhanh.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận đối với KBC trong giai đoạn 2023-2025. Lợi nhuận thuần giai đoạn 2023-2025 dự báo đạt lần lượt 2,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 61,2%); 2,1 nghìn tỷ đồng (giảm 15,4% so với cùng kỳ) và 2,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 33,0%). Lợi nhuận HĐKD cốt lõi năm 2023-2025 dự kiến cải thiện đáng kể so với lỗ thuần 635 tỷ đồng trong năm 2022.

Theo dự báo EPS mới của chúng tôi – thấp hơn lần lượt 4%, 28% và 24% so với bình quân dự báo chưa được điều chỉnh của thị trường cho giai đoạn 2023-2025 – lợi nhuận thuần sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR 22% trong 3 năm tới. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA với giá mục tiêu tại 40.000đ. Khả năng phê duyệt chính thức 2 dự án lớn nhất (Tràng Duệ 3 và Tràng Cát) trong Q4/2023 (hoặc Q1/2023) là tiềm năng hỗ trợ giá cổ phiếu KBC.

VCB HOSE

Giá mục tiêu:	98,600
Giá hiện tại:	86,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.7%
Vùng mua:	82,000 - 84,000

SmartScore **61**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	-5.6%
+/- LNST (Q3/2023):	19.9%
EPS: 5,447	P/E: 14.2
ROE: 22.6%	P/B: 3.0

Mặc dù LNTT của VCB đã tăng 20% svck nhưng vẫn giảm 2,4% so với quý trước, chủ yếu do khả năng sinh lời yếu hơn trong bối cảnh thanh khoản dồi dào. Kết quả kinh doanh Q3/2023 thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi ở một số điểm như tăng trưởng tín dụng (tăng 3,8% so với đầu năm), NIM (giảm 24 điểm cơ bản so với quý trước) và tỷ lệ hình thành nợ xấu (1,6% so với 0,42% trong Q2/2023). Mặc dù thu nhập từ phí dịch vụ khá ảm đạm nhưng thu nhập cốt lõi (không tính đến khoản phí trả trước và tiền thưởng hoạt động bancassurance trong Q2/2023) đã phục hồi (mặc dù với mức độ tương đối chậm, tăng 12% so với quý trước).

Do kết quả kinh doanh Q3/2023 thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi, chúng tôi hạ dự báo lợi nhuận trước thuế cho năm 2023 và 2024 xuống lần lượt là 40,7 nghìn tỷ đồng (tăng 9% svck) và 46,5 nghìn tỷ đồng (tăng 14% svck).

Quan điểm ngắn hạn: chúng tôi dự báo VCB sẽ ghi nhận LNTT giảm svck trong Q4/2023. Quan điểm dài hạn: chúng tôi vẫn tin rằng quan điểm thận trọng về cho vay sẽ giúp ngân hàng duy trì được một bảng cân đối tốt với chất lượng tài sản bền vững.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
SZC	-	Bất động sản	48.5	43.3	12.1%	37 - 39.6	24.2	2.9	1,908
KBC	●	Bất động sản	40.0	31.4	27.6%	28.5 - 29.5	16.1	1.3	1,542
REE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74.0	57.1	29.6%	52 - 54	9.8	1.4	6,274
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	42.2	14.9%	37.1 - 38	11.9	1.8	3,602
DPR	●	Hóa chất	29.0	30.0	-3.3%	27.5 - 28.5	15.0	1.1	4,124
BMI	●	Bảo hiểm	23.9	21.4	11.9%	18.7 - 19.4	7.9	1.0	2,760
ACB	●	Ngân hàng	29.0	22.1	31.5%	21 - 21.5	5.8	1.3	3,812

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC CÂN BẰNG

- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

> 5%

Tỷ suất cố tức

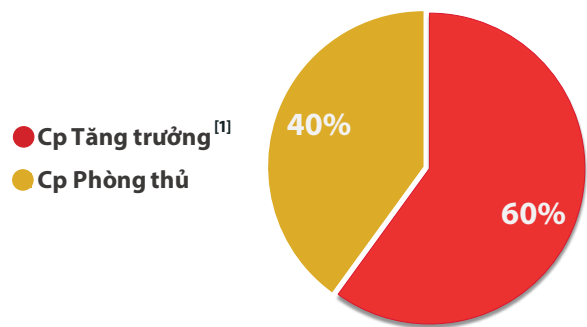
10-15%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



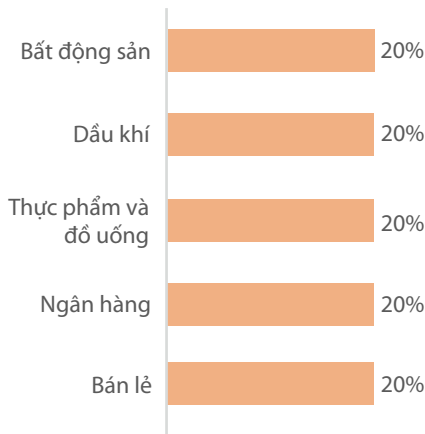
Danh mục cổ phiếu CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
KDH	●	Bất động sản	35.7	31.4	13.7%	29 - 30	20%	32.0	1.9
PLX	●	Dầu khí	46.0	33.4	37.7%	32 - 33	20%	12.8	1.7
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52.8	45.6	15.8%	43 - 45	20%	8.4	2.1
VCB	●	Ngân hàng	98.6	86.0	14.7%	82 - 84	20%	14.2	3.0
MWG	●	Bán lẻ	57.6	38.6	49.4%	34 - 36	20%	78.4	2.4

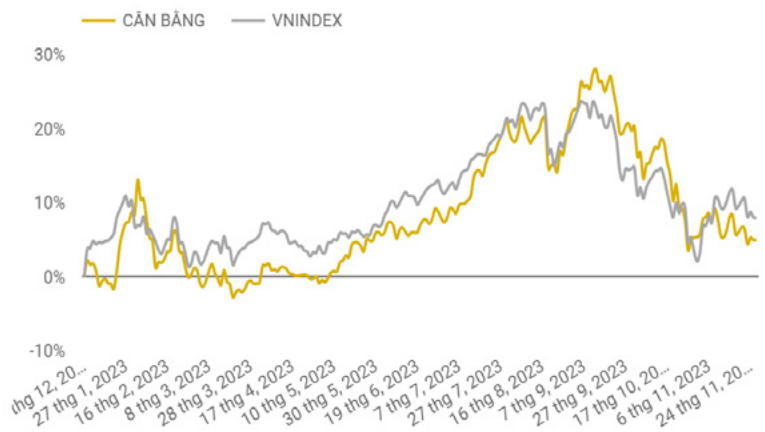
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Cân bằng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28-11-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

KDH UPCOM

Giá mục tiêu:	35,700
Giá hiện tại:	31,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.7%
Vùng mua:	29,000 - 30,000

SmartScore 56

ĐIỂM	Định giá	30
	Chất lượng	68
	Động lượng	71

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	-23.2%
+/- LNST (Q3/2023):	-41.0%
EPS: 1,081	P/E: 32.0
ROE: 5.9%	P/B: 1.9

Trong Q3/23, KDH ghi nhận doanh thu đạt 616 tỷ đồng (+6%QoQ, -23%YoY) nhờ bàn giao sản phẩm thấp tầng giá trị cao tại dự án Classia (~20 căn theo ước tính). Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 208 tỷ đồng (-41%YoY, công ty không ghi nhận lãi từ mua thêm sở hữu trong công ty con như quý 3/2022). Cho 9 tháng 2023, LNST công ty mẹ đạt 655 tỷ đồng (-33%YoY), tương đương ~66% kế hoạch kinh doanh của công ty.

Cho cả năm 2023, chúng tôi điều chỉnh dự phóng tổng doanh thu của KDH đạt 2.234 tỷ đồng (-23%YoY), chủ yếu đến từ việc bàn giao ~110 căn Classia, và LNST công ty mẹ đạt 920 tỷ đồng (-17%YoY, đạt 92% kế hoạch kinh doanh của công ty). Tương ứng với đó, chúng tôi dự kiến trong quý 4/2023, doanh thu và LNST của KDH lần lượt đạt 610 tỷ đồng (-51%YoY) và 265 tỷ đồng (+123%YoY). EPS năm 2023 tương đương 1.150 đồng.

Về kế hoạch bán hàng, công ty có xu hướng xây dựng kế hoạch thận trọng trong năm 2024, khi triển khai lần lượt từng dự án để thị trường có thể hấp thụ các sản phẩm, với: 1/ Dự án chung cư Privia tại quận Bình Tân dự kiến mở bán ~700 căn hộ trong tháng 11/2023, và dự kiến hoàn thành bán hàng trong nửa đầu 2024; 2/ Dự án the Clarita (~160 sản phẩm thấp tầng) được kì vọng có thể tiến hành bán hàng trong nửa cuối năm 2024.

PLX HOSE

Giá mục tiêu:	46,000
Giá hiện tại:	33,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	37.7%
Vùng mua:	32,000 - 33,000

SmartScore **69**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	-1.7%
+/- LNST (Q3/2023):	646.0%
EPS: 2,550	P/E: 12.8
ROE: 11.7%	P/B: 1.7

Trong Q3/2023, PLX ghi nhận LNTT đạt 1,18 nghìn tỷ đồng (tăng 277% svck và 14,6% so với quý trước). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 3,08 nghìn tỷ đồng (tăng 402% svck), hoàn thành 95% kế hoạch cả năm của công ty. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu của PLX được duy trì tốt ở mức 2,6 triệu m3, tăng 3,2% svck, trong đó kênh bán lẻ đạt 1,7 triệu m3 (tăng 4,9% svck). Lợi nhuận từ mảng xăng dầu đi ngang so với quý trước ở mức 483 tỷ đồng, nhưng đã cải thiện đáng kể so với mức lỗ 199 tỷ đồng trong Q3/2022.

Chúng tôi dự báo doanh thu và LNTT năm 2023 lần lượt là 276 nghìn tỷ đồng (giảm 9,2% svck) và 4,58 nghìn tỷ đồng (tăng 102% svck). Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của PLX sẽ cải thiện trong quý 4 nhờ khả năng hoàn nhập một phần chi phí dự phòng hàng tồn kho đã được trích lập trong quý 3 nếu giá dầu vẫn duy trì ở mức hiện tại.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận chậm lại trong quý 4 và năm 2024 so với mức cơ bản cao được thiết lập trong Q4/2022 và năm 2023 có thể gây áp lực lên giá cổ phiếu. Tuy nhiên, mức định giá hấp dẫn hơn, sản lượng tiêu thụ xăng dầu ổn định và khả năng hoàn nhập chi phí dự phòng hàng tồn kho sẽ là các yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu trong thời gian tới.

MWG HOSE

Giá mục tiêu:	57,600
Giá hiện tại:	38,550
Lợi nhuận kỳ vọng:	49.4%
Vùng mua:	34,000 - 36,000

SmartScore **51**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	-5.4%
+/- LNST (Q3/2023):	-95.7%
EPS: 476	P/E: 78.4
ROE: 2.9%	P/B: 2.4

KQKD Q3/2023 của MWG gây thất vọng với doanh thu thuần đạt 30.288 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần chỉ là 39 tỷ đồng, giảm 96% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần sát với dự báo (30.010 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi (174 tỷ đồng).

Doanh thu thuần giảm 5% so với cùng kỳ hoàn toàn do doanh thu chuỗi TGDĐ & ĐMX giảm 14% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu chuỗi BHX tăng mạnh 21% so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần giảm 96% so với cùng kỳ cũng do lợi nhuận thuần chuỗi TGDĐ & ĐMX giảm mạnh 79% so với cùng kỳ xuống 370 tỷ đồng (từ 1.783 tỷ đồng trong Q3/2022), trong khi lỗ thuần của chuỗi BHX tiếp tục giảm mạnh xuống 246 tỷ đồng (từ lỗ 814 tỷ đồng trong Q3/2022).

Chúng tôi giảm 11% dự báo doanh thu thuần của MWG cho năm 2023 xuống 118.849 tỷ đồng và giảm 71% dự báo lợi nhuận thuần xuống 190 tỷ đồng, giảm 95% so với năm 2022. Trên cơ sở dự báo năm 2023 và KQKD thực hiện 9 tháng đầu năm, chúng tôi hiện dự báo doanh thu thuần Q4/2023 đạt 31.990 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 112 tỷ đồng, giảm 82% so với cùng kỳ.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
MBB	●	Ngân hàng	22.6	17.9	26.6%	16.8 - 17.2	4.2	1.1	3,481
CTG	●	Ngân hàng	36.0	29.6	21.6%	27 - 28	7.7	1.2	3,134
LHG	-	Bất động sản	50.0	30.5	63.9%	27 - 28	11.0	1.0	2,751
TCB	●	Ngân hàng	38.0	30.1	26.5%	27 - 28	6.3	0.8	4,726
GAS	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	88.9	77.5	14.7%	66.3 - 71.3	14.6	2.9	6,339
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	68.3	28.3%	66 - 67	17.1	4.7	4,027

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:



Cổ phiếu Tăng trưởng



Cổ phiếu Phòng thủ



Đang cập nhật phân loại

DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt
- Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường
- Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lại lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm

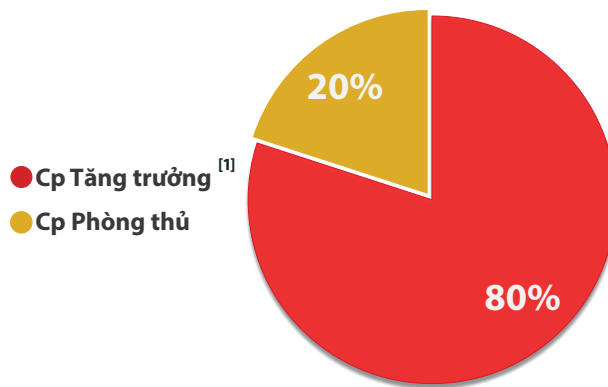
22-25%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục



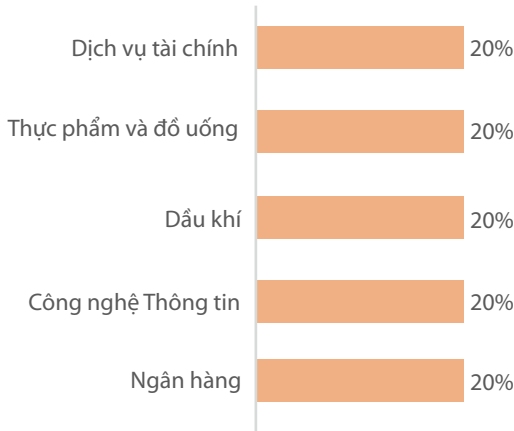
Danh mục cổ phiếu TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
VCI	●	Dịch vụ tài chính	50.0	42.0	19.0%	36 - 38	20%	44.5	2.4
VNM	●	Thực phẩm và đồ uống	87.6	68.3	28.3%	66 - 67	20%	17.1	4.7
PVD	●	Dầu khí	30.9	27.0	14.4%	24 - 25	20%	34.1	1.0
FPT	●	Công nghệ Thông tin	109.3	91.2	19.8%	84 - 86	20%	18.9	4.9
BID	●	Ngân hàng	54.2	43.7	24.2%	36.4 - 37.3	20%	11.1	1.9

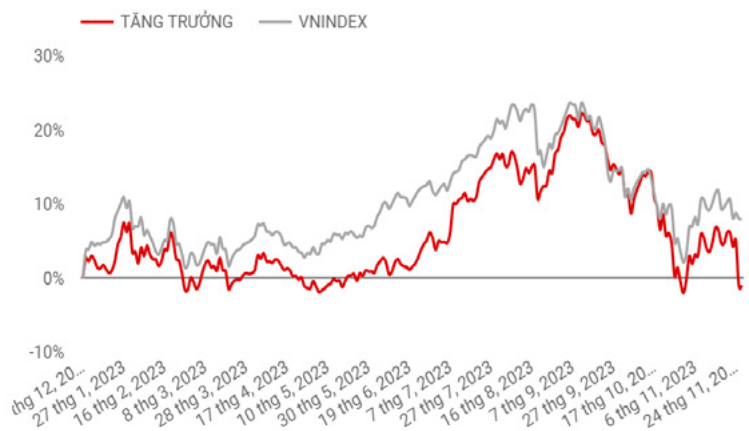
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Hiệu suất danh mục Tăng trưởng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28-11-2023

Điểm nhấn doanh nghiệp

VCI HOSE

Giá mục tiêu:	50,000
Giá hiện tại:	42,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.0%
Vùng mua:	36,000 - 38,000

SmartScore **46**

ĐIỂM	Định giá	30
	Chất lượng	43
	Động lượng	86

Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	27.8%		
+/- LNST (Q3/2023):	45.9%		
EPS:	321	P/E:	44.5
ROE:	2.0%	P/B:	2.4

LNTT Q3/2023 đạt 210 tỷ đồng (tăng 46% so với cùng kỳ và tăng 60% so với quý trước), chủ yếu nhờ lợi nhuận nghiệp vụ môi giới (đạt 42 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ) và doanh thu nghiệp vụ đầu tư nguồn vốn (đạt 190 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 369 tỷ đồng (giảm 56% từ nền cao năm ngoái), hoàn thành 37% kế hoạch của VCI cho năm 2023 (1.000 tỷ đồng) và bằng 53% dự báo của chúng tôi cho cả năm.

Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới Q3/2023 tăng mạnh 50% so với cùng kỳ đạt 42 tỷ đồng xuất phát từ: 1) GTGD bình quân ngày tăng (tăng 48% so với cùng kỳ đạt 24,5 nghìn tỷ đồng), 2) thị phần giảm còn 4% từ 4,6% trong Q2/2023 và 4,5% trong Q3/2022 và 3) tỷ lệ phí ròng (phí ròng/phi gộp) đạt 26% so với 20% trong Q3/2022.

Doanh thu nghiệp vụ cho vay ký quỹ tăng 5% so với cùng kỳ (tăng 4% so với quý trước) đạt 177 tỷ đồng nhờ lãi suất cho vay tăng lên 12,4% từ 10,1% trong Q2/2023 nhưng dư nợ cho vay giảm 13% so với quý trước (giảm 7% so với cùng kỳ) xuống còn 5,8 nghìn tỷ đồng.

Tỷ lệ NIM cho vay ký quỹ Q3/2023 tăng lên 5,4% từ 4,6% trong Q3/2022 (Q2/2023 đạt 5,3%) với lợi suất cho vay cải thiện và chi phí huy động tăng chậm hơn (lên 7% từ 5,5% trong Q3/2022 nhưng giảm nhẹ từ 7,1% trong Q2/2023).

Chúng tôi ưa thích VCI nhờ mô hình kinh doanh tinh gọn, danh mục đầu tư có lợi nhuận tốt và mảng IB mạnh. Tuy nhiên, việc không có nhiều hợp đồng IB trong 9 tháng đầu năm 2023 đã ảnh hưởng đến kết quả cả mảng IB và doanh thu nghiệp vụ môi giới.

PVD HOSE

Giá mục tiêu:	30,900
Giá hiện tại:	27,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.4%
Vùng mua:	24,000 - 25,000

SmartScore **38**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	11.2%
+/- LNST (Q3/2023):	100.0%
EPS: 776	P/E: 34.1
ROE: 3.0%	P/B: 1.0

Chúng tôi tăng dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo năm 2023 thêm 2,0% do giả định giá thuê ngày của giàn khoan tự nâng (JU) trung bình cao hơn 1,9% của chúng tôi. Chúng tôi duy trì kỳ vọng về sự phục hồi mạnh vào năm 2023, được thúc đẩy bởi giá thuê ngày JU trung bình của PVD tăng 22% YoY đạt 79.250 USD và hiệu suất hoạt động đạt 96% so với 85% vào năm 2022.

Nhìn chung, chúng tôi duy trì dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo năm 2024 sẽ tăng hơn gấp đôi YoY, được hỗ trợ bởi giá thuê ngày JU trung bình tăng 24% YoY đạt 98.500 USD và sự phục hồi của mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan. Chúng tôi duy trì kỳ vọng hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) trong nước sẽ bước vào chu kỳ mới từ năm 2024, với tiến triển của mỏ khí Lô B, mỏ dầu Lạc Đà Vàng, mỏ dầu Đại Hùng – Pha 3 và các dự án dầu khí khác.

Yếu tố hỗ trợ: Đầu tư 1 giàn khoan JU mới; E&P trong nước phục hồi nhanh hơn dự kiến. Rủi ro: Lợi nhuận từ mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan thấp hơn kỳ vọng; chậm trễ trong việc đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng (FID) cho Lô B; giá dầu giảm ảnh hưởng đến giá thuê ngày.

FPT HOSE

Giá mục tiêu:	109,300
Giá hiện tại:	91,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	19.8%
Vùng mua:	84,000 - 86,000

SmartScore **62**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023):	23.4%
+/- LNST (Q3/2023):	19.6%
EPS: 5,336	P/E: 18.9
ROE: 22.3%	P/B: 4.9

FPT đã công bố mua lại 100% cổ phần của Cardinal Peak, công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ có trụ sở tại Colorado (Mỹ). Về năng lực công nghệ, Cardinal Peak có đội ngũ hơn 100 kỹ sư CNTT với kinh nghiệm phát triển hơn 200 sản phẩm thương mại chuyên biệt về các thiết bị nhúng, thiết bị di động & website và video kỹ thuật số. Về mặt tài chính, doanh thu năm 2022 của Cardinal Peak đạt 6,1 triệu USD.

Mặc dù Cardinal Peak khó có thể đóng góp đáng kể vào lợi nhuận thuần của FPT trong những năm tới nhưng chúng tôi tin rằng công ty này sẽ giúp đẩy mạnh đáng kể doanh thu của FPT tại thị trường Mỹ. Theo nguồn tin trong ngành có kinh nghiệm tại thị trường Mỹ của chúng tôi, chúng tôi ước tính lợi ích từ thương vụ FPT & Cardinal Peak sẽ giúp nâng cao 7-10% (tương đương 22-32 triệu USD) doanh thu của FPT tại thị trường Mỹ. Lưu ý rằng tổng doanh thu của FPT tại Mỹ trong năm 2023 ước tính ở mức 320 triệu USD.

FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,8 lần, cao hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2020 ở mức 13,7 lần. P/E dự phóng bình quân năm 2023-2024 của các công ty cùng ngành trong khu vực của FPT lần lượt là 21,9 lần và 18,6 lần – cao hơn lần lượt 26% và 31% so với FPT.

BID HOSE

Giá mục tiêu: 54,200
Giá hiện tại: 43,650
Lợi nhuận kỳ vọng: 24.2%
Vùng mua: 36,400 - 37,300

SmartScore **53**



Chỉ số cơ bản:

+/- Doanh thu (Q3/2023): 1.9%
+/- LNST (Q3/2023): -13.2%
EPS: 2,967 P/E: 11.1
ROE: 17.6% P/B: 1.9

BID đã công bố LNTT Q3/2023 đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ do tổng thu nhập hoạt động chỉ tăng khiêm tốn 2% so với cùng kỳ trong khi chi phí dự phòng tăng 10% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, LNTT đạt 19,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

Trong Q3/2023: Tổng tín dụng tăng 8,3% so với đầu năm (tăng 1,6% so với quý trước) đạt 1,662 triệu tỷ đồng. Tỷ lệ NIM giảm 4 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 29 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống còn 2,72%. Tổng thu nhập ngoài lãi tăng 19% so với cùng kỳ đạt 4.104 tỷ đồng. Tổng nợ xấu chỉ tăng 2% so với quý trước (nhưng tăng tới 31% so với đầu năm) lên 26.393 tỷ đồng nhưng tỷ lệ nợ xấu vẫn tương đương quý trước ở mức 1,6%. Hệ số LLR vẫn giữ ở mức cao là 158%. Chi phí dự phòng tăng 10% so với cùng kỳ lên 5.950 tỷ đồng.

BID có P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,49 lần; không cao hơn nhiều so với đây gần đây và chiết khấu 36% so với NHTM tương đồng nhất là VCB. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** với giá mục tiêu 54.200 đồng/cp.

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
BSR	●	Dầu khí	23.8	18.1	31.5%	16.2 - 17.2	7.7	1.1	2,492
VPB	●	Ngân hàng	23.0	19.9	15.9%	18.5 - 19	12.7	1.4	1,546
TCB	●	Ngân hàng	38.0	28.3	0.6%	27 - 28	6.3	0.8	4,726
PVD	●	Dầu khí	30.9	25.5	-7.9%	24 - 25	34.1	1.0	776
HDG	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	29.1	25.9	-22.7%	25.5 - 26.5	12.8	1.5	2,618
NLG	-	Bất động sản	37.5	33.0	6.6%	31.5 - 32.5	21.6	1.5	1,492
SZC	-	Bất động sản	48.5	35.3	2.8%	37 - 39.6	24.2	2.9	1,908

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng

● Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

HOT!

**DANH MỤC
THEO CHỦ ĐỀ**

#1 CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO PNJ FPT QNS BMI GMD...

#2 ĐẦU TƯ CÔNG HPG HSG DPG LCG PLC C4G HT1 CTD KSB...

#3 MIDCAP NỔI BẬT BWE SCS PVT BMP CTR...

#4 P/B < 1 VOS VHM PVP VGT GIL MSB TCB TCH...

#5 BDS DÂN DỤNG & KCN NLG IJC KBC HDC KDH DPR SZC...

#1

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
QNS	●	Thực phẩm và đồ uống	52.8	45.6	15.8%	43 - 45	8.4	2.1	5,496
PNJ	●	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.0	80.4	9.5%	73 - 74	14.7	2.8	5,870
GMD	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	75.8	68.9	10.0%	61 - 63	9.2	2.5	7,574
FPT	●	Công nghệ Thông tin	109.3	91.2	19.8%	84 - 86	18.9	4.9	5,336
BMI	●	Bảo hiểm	23.9	21.4	11.9%	18.7 - 19.4	7.9	1.0	2,760

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#2

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
HSG	-	Tài nguyên Cơ bản	21.5	21.0	2.6%	17.5 - 18.5	1.2	552.2	38
HPG	-	Tài nguyên Cơ bản	24.6	26.4	-6.8%	24 - 25	1.5	80.3	322
DPG	-	Xây dựng và Vật liệu	44.3	39.2	13.0%	33.4 - 35.4	1.4	11.0	3,574
LCG	-	Xây dựng và Vật liệu	13.4	11.9	13.1%	10.4 - 10.8	0.9	26.1	453
PLC	●	Hóa chất	34.2	30.0	14.0%	25.8 - 27.1	1.9	23.5	1,339
C4G	●	Xây dựng và Vật liệu	13.2	11.7	12.8%	10 - 10.8	1.1	21.1	641
HT1	-	Xây dựng và Vật liệu	13.5	11.8	14.4%	10.2 - 10.8	0.9	222.9	53
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	70.8	62.5	13.3%	54.1 - 56.3	0.7	44.1	856
KSB	-	Tài nguyên Cơ bản	28.8	25.3	13.8%	21.6 - 22.8	0.9	20.6	1,476
VCG	-	Xây dựng và Vật liệu	25.4	22.7	12.1%	19.3 - 20.7	1.7	43.4	536

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2XX,X (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#3

MIDCAP NỔI BẬT

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	42.2	14.9%	37.1 - 38	1.8	11.9	3,602
SCS	-	Du lịch và Giải trí	74.3	65.7	13.1%	62.5 - 63	4.6	12.5	5,197
PVT	●	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.8	25.2	6.3%	22.5 - 23.5	1.1	8.5	2,889
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	100.0	89.0	12.4%	77 - 81.9	2.4	6.8	12,614
CTR	●	Xây dựng và Vật liệu	100.2	88.0	13.9%	75.1 - 79.2	5.2	19.2	4,345

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#4

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
VOS	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.7	10.4	13.0%	8.9 - 9.4	20.6	0.9	493
VHM	-	Bất động sản	44.0	39.1	12.5%	33.7 - 35.9	4.1	1.0	9,460
VGT	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	13.4	11.9	12.6%	10.1 - 10.8	177.5	0.9	351
TCH	-	Bất động sản	14.0	12.3	13.8%	10.7 - 11.1	20.3	1.0	444
TCB	●	Ngân hàng	38.0	30.1	26.5%	27 - 28	6.3	0.8	4,726
PVP	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.4	13.7	12.8%	11.7 - 12.3	7.5	0.8	1,827
PPC	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.6	13.1	19.1%	12 - 12.5	11.8	0.8	1,105
POW	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	11.4	13.2%	9.8 - 10.3	18.8	0.9	609
PAN	-	Thực phẩm và đồ uống	21.6	19.3	12.2%	16.4 - 17.5	12.1	0.9	1,549
OCB	●	Ngân hàng	15.9	13.6	17.3%	12 - 12.5	6.2	1.0	2,936
MSB	-	Ngân hàng	14.5	12.9	12.8%	11 - 11.6	5.2	0.8	2,462
LHG	-	Bất động sản	50.0	30.5	63.9%	27 - 28	11.0	1.0	2,751
LCG	-	Xây dựng và Vật liệu	13.4	11.9	13.1%	10.4 - 10.8	26.1	0.9	453
KSB	-	Tài nguyên Cơ bản	28.8	25.3	13.8%	21.6 - 22.8	20.6	0.9	1,476
IJC	-	Bất động sản	15.3	13.6	12.5%	11.8 - 12.3	9.7	0.9	1,447

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng


Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#4

P/B < 1 (tiếp theo)

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
HT1	-	Xây dựng và Vật liệu	13.5	11.8	14.4%	10.2 - 10.8	222.9	0.9	53
HHV	-	Xây dựng và Vật liệu	15.9	15.0	6.4%	12.2 - 12.7	14.5	0.7	1,038
GIL	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.7	25.2	13.9%	21.6 - 23.1	-33.0	0.7	(764)
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	70.8	62.5	13.3%	54.1 - 56.3	44.1	0.7	856
CII	-	Xây dựng và Vật liệu	19.3	16.9	14.2%	14.4 - 15.4	64.3	0.9	243
BMI		Bảo hiểm	23.9	21.4	11.9%	18.7 - 19.4	7.9	1.0	2,760

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

 Cổ phiếu Tăng trưởng Cổ phiếu Phòng thủ

- Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

#5

BDS DÂN DỤNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua* (VM)	P/E	P/B	EPS
KBC	●	Bất động sản	40.0	31.4	27.6%	28.5 - 29.5	1.3	16.1	1,542
LHG	-	Bất động sản	50.0	30.5	63.9%	27 - 28	1.0	11.0	2,751
PHR	●	Hóa chất	49.0	46.5	5.5%	42 - 44	1.8	7.1	6,566
DPR	●	Hóa chất	29.0	30.0	-3.3%	27.5 - 28.5	1.1	15.0	4,124
IDC	-	Bất động sản	56.0	48.9	14.5%	41.8 - 44.6	3.6	15.1	3,177
SZC	-	Bất động sản	48.5	43.3	12.1%	37 - 39.6	2.9	24.2	1,908
VGC	-	Xây dựng và Vật liệu	59.4	52.0	14.2%	45.7 - 47.1	2.8	16.5	3,078
GVR	-	Hóa chất	21.9	19.6	12.0%	16.9 - 17.9	1.5	33.1	582
NLG	-	Bất động sản	37.5	36.9	1.6%	31.5 - 32.5	1.5	21.6	1,492
KDH	●	Bất động sản	35.7	31.4	13.7%	29 - 30	1.9	32.0	1,081
VHM	-	Bất động sản	44.0	39.1	12.5%	33.7 - 35.9	1.0	4.1	9,460
IJC	-	Bất động sản	15.3	13.6	12.5%	11.8 - 12.3	0.9	9.7	1,447
HDC	-	Bất động sản	38.9	34.0	14.4%	29.9 - 30.8	2.4	17.9	2,108

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 28-11-2023
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (in nghiêng & màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro



Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Chiến lược đầu tư

Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.



Cơ cấu đầu tư

Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng

Phương pháp đầu tư

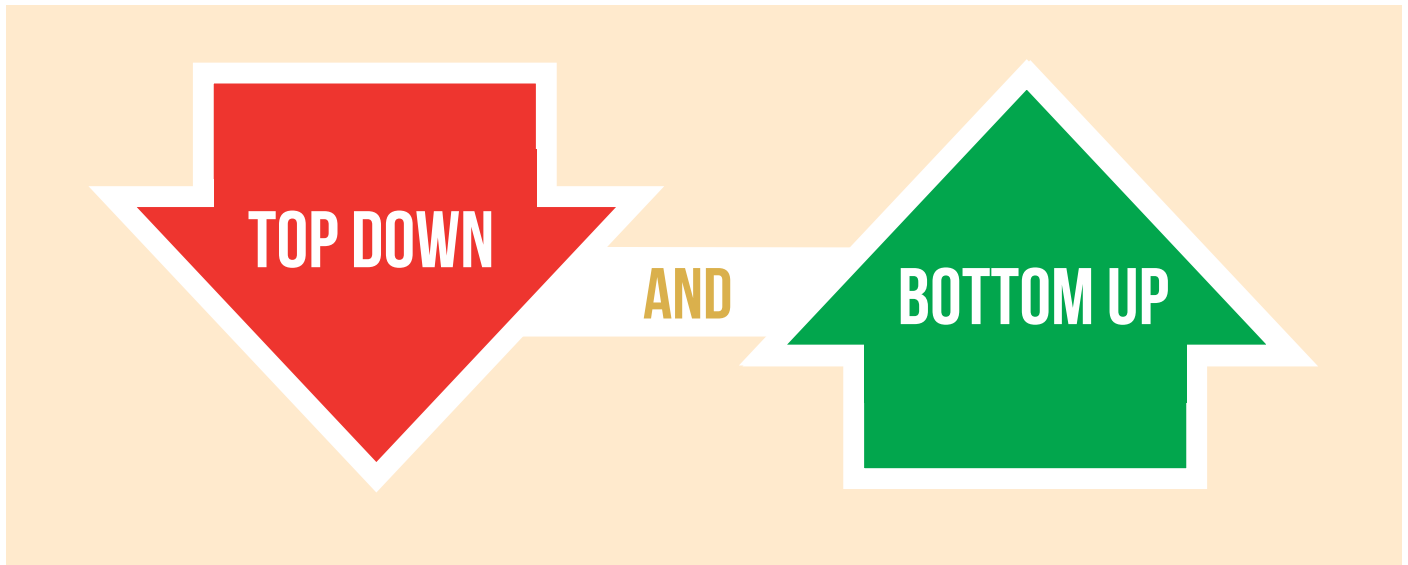


SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Kết hợp Bottom-Up và Top-down để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội



Đối với **phương pháp Top-down**, các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

1. Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng
2. Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như
 - Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động,
 - Chất lượng quản trị & năng lực điều hành,
 - Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp,
 - Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận.
3. Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai

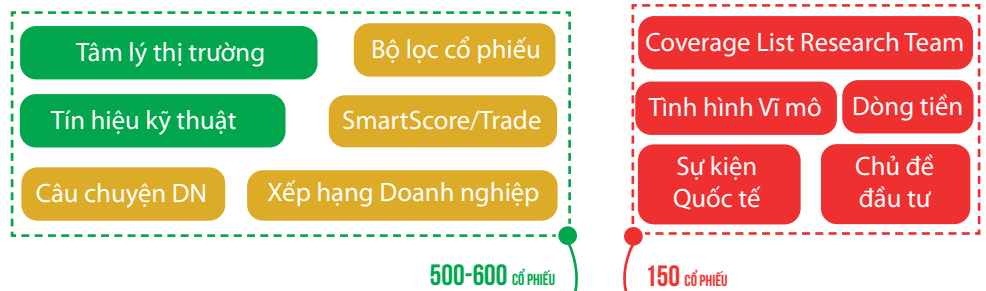


Đối với **phương pháp Bottom-up**, chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng

- Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ;
- Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý;

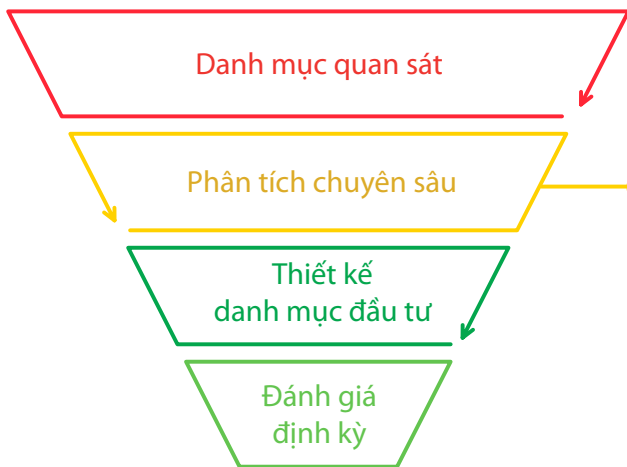
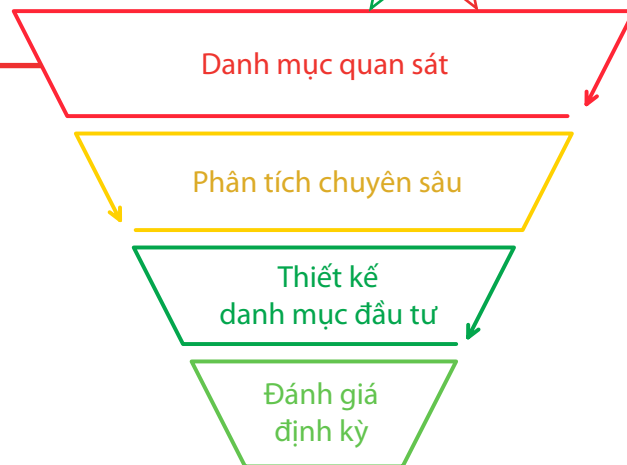
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Quy trình xây dựng danh mục đầu tư



500-600 CỔ PHIẾU

- Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
- Xác định **chủ đề trọng điểm** thu hút được dòng tiền lớn tham gia
- Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ **SmartScore, SmartTrade**



200 CỔ PHIẾU

Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):

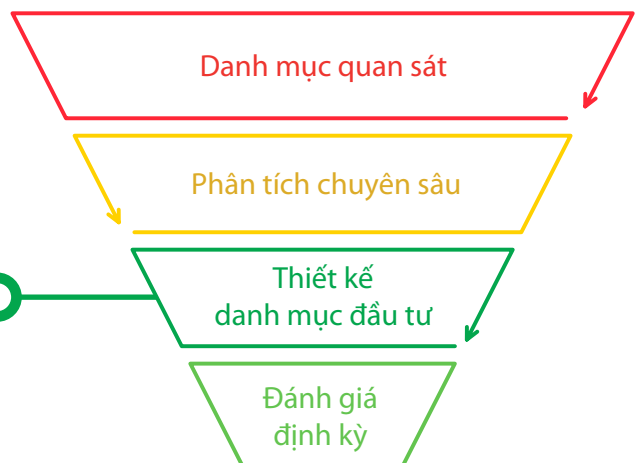
- Định giá hấp dẫn.
- Hiệu suất sinh lời hợp lý.
- Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%).
- Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường.

100 CỔ PHIẾU

Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bố tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư

Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý

Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền vững hơn.



Diễn giải

[1] Phân loại cổ phiếu:

- **Cổ phiếu phòng thủ** là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...
- **Cổ phiếu tăng trưởng** là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi họ bán cổ phiếu.

Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Chấm điểm cổ phiếu SmartScore

Điểm **Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành. Các tiêu chí trong cấu phần điểm Định giá:

- P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- Vốn hoá thị trường,...

Điểm **Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- Chỉ số Hoạt động: vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- Chỉ số Thanh khoản: chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- Chỉ số Cơ cấu tài sản: nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- Chỉ số Hiệu quả: biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- Chỉ số Tăng trưởng: tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm **Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
 - Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
 - Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...
-



THẤU HIỂU SẢN PHẨM - TỐI ƯU LỢI NHUẬN

smartDragon

Nền tảng hỗ trợ đặc lực Cho đầu tư chứng khoán

Hệ thống biểu đồ
đa dạng

Khuyến nghị điểm mua/bán
tối ưu



Gợi ý
danh mục đầu tư

Chăm điểm cổ phiếu
vượt trội



Trợ lý ảo
tư vấn đầu tư



KHÁM PHÁ NGAY!